

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
Tranh chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền
2. Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2016 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu B sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: số 111A/8, ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 17, ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U; sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: số 111A/8, ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 05, ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/- Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1967 (có mặt)

2/-Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: số 111A/8, ấp Bình Hòa 2, xã Mỹ Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 05, ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị Thu B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông U tổ chức đám cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tháng 04/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn bà và ông U sống chung gia đình chồng, cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và thường bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn ông U không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc và ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh, nhục mạ và xua đuổi bà về nhà cha mẹ ruột. Tháng 03/2018 bà về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, trong thời gian bà về nhà cha mẹ sống ông U thường hay viện cớ lại thăm con để gây sự với bà và cha mẹ bà, ông U có hành động đe dọa hành hung bà và cha mẹ, sự việc bà có báo chính quyền địa phương nhưng ông U vẫn cố tình đe dọa gia đình bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông U

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nh Y, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay bà đang nuôi con. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con không yêu cầu ông U cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 13 chỉ vàng 24kra vàng cưới, tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 bà yêu cầu nhận 13 chỉ vàng 24kara, tại phiên tòa bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phân tài sản không yêu cầu chia tài sản.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại tờ tự khai và tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Thu B về thời gian và điều kiện kết hôn, ông và bà Thu B có đăng ký kết hôn tháng 04/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, TP Long Xuyên, An Giang, nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà Thu B trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình ông, ông cũng lo làm ăn và chăm sóc vợ con, nguyên nhân mâu thuẫn do ông không cho bà Thu B đi bán nước uống ở tụ điểm đá gà, vợ chồng có cự cãi trong lúc nóng giận ông có đánh bà Thu B một bạt tay, sau đó bà Thu B bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, ông có đến gặp bà Thu B để hàn gắn tình cảm nhưng bà Thu B không đồng ý. Nay bà Thu B yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nh Y, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay bà Thu B đang nuôi con. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà Thu B cấp dưỡng. Hiện tại ông thu nhập mỗi tháng khoản 8.000.000đ.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận vợ chồng có 13 chỉ 24kara vàng cưới, hiện nay cho em ông tên Nguyễn Thanh H vay.

- Về nợ chung: Không có

*Tại tờ tự khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ph trình bày: Khi cưới vợ cho U bà cho vợ chồng U 15 chỉ 24kara vàng cưới, vợ chồng U cho H vay bao nhiêu bà không biết và cũng không có chứng kiến. Nay bà Thu b yêu cầu bà trả 13 chỉ vàng cưới bà không đồng ý.

*Tại tờ tự khai và tại biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông xác nhận ông có vay của ông U bà Thu Ba 13 chỉ vàng 24kara, hiện nay ông chưa trả cho vợ chồng ông U. Nay bà Thu B yêu cầu ông trả số vàng trên ông không đồng ý, với lý do hiện nay vợ chồng ông U có mượn ông nhiều lần với tổng số tiền 88.000.000đ. Nay ông U bà Thu B ly hôn ông yêu cầu vợ chồng trả cho ông số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa:

- Bà Thu B vẫn giữ yêu cầu ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Bà rút lại yêu cầu không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu ông H và bà Ph trả

- Ông U không đồng ý ly hôn, ông xin được đoàn tụ, nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Thu B cấp dưỡng. Về tài sản ông không yêu cầu chia.

- Ông H về phần nợ tại phiên tòa ông yêu cầu vợ chồng ông U trả cho ông số nợ đã mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Thị Thu B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông có nơi cư trú rõ ràng và hiện nay tạm trú tại xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tại đơn khởi kiện bà Thu B yêu cầu chia phần tài sản chung là 13 chỉ vàng 24kara, tại phiên tòa hôm nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút lại một phần yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu, theo qui định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Thu B và ông U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2016 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Thu B và ông U được đoàn tụ, nhưng các bên không hòa giải được các mâu thuẫn đã phát sinh, bà Thu B vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông U. Bà Thu B trình bày trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi, bên cạnh đó gia đình kinh tế khó khăn, ông U không chịu làm ăn, mê cờ bạc và hay ghen tuông vô cớ, khi bà góp ý thì ông U đánh và đuổi bà về nhà cha mẹ ruột dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngược lại ông U cho rằng còn thương vợ, xin cho thời gian để đoàn tụ với bà Thu B. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Thu B và ông U chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, nhưng hai bên không có biện pháp để giải quyết dẫn đến cự cãi, đáng lẽ ông U là trụ cột trong gia đình phải có biện pháp giải quyết nhưng ông U lại có hành động đánh vợ và có những lời lẽ nhục mạ bà Thu B, từ đó làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng của bà Thu B và ông U. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi lần gặp nhau là hai bên xảy ra cự cãi gây rối làm mất trật tự tại địa phương, được thể hiện tại tờ tường trình của bà Thu B ngày 02/7/2018 được Công An xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành xác nhận. Tại các buổi hòa giải Tòa án cũng cho các bên có thời gian để đoàn tụ nhưng ông U và bà Thu B cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và tại phiên tòa bà Thu B cương quyết yêu cầu ly hôn với ông U. Như vậy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thu B.

2.2. Về con chung: Bà Thu B và ông U thống nhất có một con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 25/11/2016, hiện cháu Như Y đang sống với bà Thu B, bà Thu B và ông U đều có yêu cầu được nuôi cháu Như Y. Hiện nay cháu Như Y dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, bà Thu B cũng có công việc gần nhà, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc cháu Như Y, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Thu B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Như Y là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thu B không yêu cầu ông U cấp dưỡng nên không đặc ra xem xét

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: không xem xét

2.4 Về nợ chung: không có

2.5 Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đối với yêu cầu độc lập của anh H yêu cầu vợ chồng bà Thu B trả tiền nợ số tiền là 88.000.000đ. Trong quá trình tố tụng tòa án đã thông báo cho ông H nộp tạm ứng án phí theo qui định, nhưng quá thời hạn qui định ông H không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của mình coi như ông H đã từ bỏ yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Bà Thu B là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được qui định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Hoàn trả cho bà Thu B số tiền 1.170.000đ.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Thu B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

- Về nuôi con chung: Bà Dương Thị Thu B được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 25/11/2016.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung với số vàng 13 (mười ba) chỉ vàng 24 kara.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Dương Thị Thu B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 1.470.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003410 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bà Thu B được nhận lại 1.170.000đ (một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2018).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Thị Chung